



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

VIMĀNAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN THIÊN CUNG

4. 7.

756. Abhikkantena vaṇṇena yā tvaṃ tiṭṭhasi devate,
obhāsentī disā sabbā osadhī viya tārakā.
757. Kena te tādiso vaṇṇo kena te idhamijjhati,
uppañjanti ca te bhogā ye keci manaso piyā.
758. Pucchāmi taṃ devi mahānubhāve
manussabhūtā kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvā
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati 'ti.
759. Sā devatā attamanā moggallānena pucchitā,
pañhaṃ puṭṭhā viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.
760. Indīvarānaṃ hatthakaṃ ahamadāsiṃ
bhikkhuno piṇḍāya carantassa,
esikānaṃ unnatasmim¹
nagaravare paṇṇakate ramme.
761. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppañjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.
762. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūtā yamaṃ akāsiṃ,²
tenamhi evaṃ jalitānubhāvā
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsati 'ti. (Indīvaradāyikā)
763. Abhikkantena vaṇṇena yā tvaṃ tiṭṭhasi devate,
obhāsentī disā sabbā osadhī viya tārakā.
764. Kena te tādiso vaṇṇo kena te idhamijjhati,
uppañjanti ca te bhogā ye keci manaso piyā.
765. Pucchāmi taṃ devi mahānubhāve
manussabhūtā kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvā
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati 'ti.
766. Sā devatā attamanā moggallānena pucchitā,
pañhaṃ puṭṭhā viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.
767. Nīluppalahatthakaṃ ahamadāsiṃ
bhikkhuno piṇḍāya carantassa,
esikānaṃ unnatasmim¹
nagaravare paṇṇakate ramme.
768. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppañjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.
769. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūtā yamaṃ akāsiṃ,²
tenamhi evaṃ jalitānubhāvā
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsati 'ti. (Nīluppaladāyikā)

¹ uṇṇatasmim - Ma, Syā.

² yam akāsi puññaṃ - PTS.

4. 7.

756. “Hỡi nàng tiên, nàng đứng, với màu da tuyệt vời, khiến cho tất cả các phương sáng rực lên, ví như ngôi sao *osadhī*.

757. Do điều gì mà màu da của nàng được như vậy? Do điều gì mà (sự việc) được thành tựu cho nàng ở nơi đây? Và (do điều gì) mà các sự hưởng thụ thích ý được sanh lên cho nàng?

758. Hỡi nàng tiên có đại oai lực, ta hỏi nàng, khi là con người nàng đã làm việc phước gì? Do điều gì mà nàng có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của nàng chiếu sáng tất cả các phương?” 759. Nàng tiên ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, nàng đã nói rõ quả báu này là của nghiệp nào:

760. “Tôi đã dâng một nắm bông súng xanh đến vị tỳ khưu đang đi khát thực ở thành phố cao quý Paṇṇakata đáng yêu thuộc vùng cao nguyên của xứ Esika.

761. Do điều ấy, tôi có được màu da như vậy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý được sanh lên cho tôi.

762. Thừa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng tất cả các phương.” (Người nữ bố thí bông súng xanh)

763. “Hỡi nàng tiên, nàng đứng, với màu da tuyệt vời, khiến cho tất cả các phương sáng rực lên, ví như ngôi sao *osadhī*.

764. Do điều gì mà màu da của nàng được như vậy? Do điều gì mà (sự việc) được thành tựu cho nàng ở nơi đây? Và (do điều gì) mà các sự hưởng thụ thích ý được sanh lên cho nàng?

765. Hỡi nàng tiên có đại oai lực, ta hỏi nàng, khi là con người nàng đã làm việc phước gì? Do điều gì mà nàng có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của nàng chiếu sáng tất cả các phương?”

766. Nàng tiên ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, nàng đã nói rõ quả báu này là của nghiệp nào:

767. “Tôi đã dâng một nắm bông sen xanh đến vị tỳ khưu đang đi khát thực ở thành phố cao quý Paṇṇakata đáng yêu thuộc vùng cao nguyên của xứ Esika.

768. Do điều ấy, tôi có được màu da như vậy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý được sanh lên cho tôi.

769. Thừa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng tất cả các phương.” (Người nữ bố thí bông sen xanh)

770. Abhikkantena vaṇṇena yā tvaṃ tiṭṭhasi devate,
obhāsentī disā sabbā osadhī viya tārakā.
771. Kena te tādiso vaṇṇo kena te idhamijjhati,
uppajjanti ca te bhogā ye keci manaso piyā.
772. Pucchāmi taṃ devi mahānubhāve
manussabhūtā kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvā
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsatī 'ti.
773. Sā devatā attamanā moggallānena pucchitā,
pañhaṃ puṭṭhā viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.
774. Odātamūlakaṃ harītapattaṃ¹
udakasmīṃ sare jātaṃ ahamadāsiṃ,
bhikkhuno piṇḍāya carantassa
esikānaṃ unnatasmiṃ,² nagaravare paṇṇakate ramme.
775. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.
776. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūtā yamahamakāsiṃ,
tenamhi evaṃ jalitānubhāvā
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsatī 'ti. (Odātamūladāyikā)
777. Abhikkantena vaṇṇena yā tvaṃ tiṭṭhasi devate,
obhāsentī disā sabbā osadhī viya tārakā.
778. Kena te tādiso vaṇṇo kena te idhamijjhati,
uppajjanti ca te bhogā ye keci manaso piyā.
779. Pucchāmi taṃ devi mahānubhāve
manussabhūtā kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvā
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsatī 'ti.
780. Sā devatā attamanā moggallānena pucchitā,
pañhaṃ puṭṭhā viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.
781. Ahaṃ sumanā sumanassa sumanamakuḷāni³
dantavaṇṇāni ahamadāsiṃ, bhikkhuno piṇḍāya carantassa
esikānaṃ unnatasmiṃ,² nagaravare paṇṇakate ramme.
782. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.
783. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūtā yamaḥ akāsiṃ,
tenamhi evaṃ jalitānubhāvā
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsatī 'ti. (Sumanamakulaḍāyikā)

Caturitthivimānaṃ.

¹ haritapattaṃ - Ma.

² uṇṇatasmiṃ - Ma, Syā.

³ sumanamakuḷāni - Syā.

770. “Hỡi nàng tiên, nàng đứng, với màu da tuyệt vời, khiến cho tất cả các phương sáng rực lên, ví như ngôi sao *osadhī*.”

771. Do điều gì mà màu da của nàng được như vậy? Do điều gì mà (sự việc) được thành tựu cho nàng ở nơi đây? Và (do điều gì) mà các sự hưởng thụ thích ý được sanh lên cho nàng?

772. Hỡi nàng tiên có đại oai lực, ta hỏi nàng, khi là con người nàng đã làm việc phước gì? Do điều gì mà nàng có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của nàng chiếu sáng tất cả các phương?”

773. Nàng tiên ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, nàng đã nói rõ quả báu này là của nghiệp nào:

774. “Tôi đã dâng loại cây có rễ màu trắng lá màu xanh mọc ở nước trong hồ đến vị tỳ khưu đang đi khát thực ở thành phố cao quý Paṇṇakata đáng yêu thuộc vùng cao nguyên của xứ Esika.

775. Do điều ấy, tôi có được màu da như vậy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý được sanh lên cho tôi.

776. Thưa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng tất cả các phương.” (Người nữ bố thí loại cây có rễ trắng)

777. “Hỡi nàng tiên, nàng đứng, với màu da tuyệt vời, khiến cho tất cả các phương sáng rực lên, ví như ngôi sao *osadhī*.”

778. Do điều gì mà màu da của nàng được như vậy? Do điều gì mà (sự việc) được thành tựu cho nàng ở nơi đây? Và (do điều gì) mà các sự hưởng thụ thích ý được sanh lên cho nàng?

779. Hỡi nàng tiên có đại oai lực, ta hỏi nàng, khi là con người nàng đã làm việc phước gì? Do điều gì mà nàng có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của nàng chiếu sáng tất cả các phương?”

780. Nàng tiên ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, nàng đã nói rõ quả báu này là của nghiệp nào:

781. “Tôi, Sumanā, đã dâng các nụ hoa nhài có màu ngà đến vị tỳ khưu có thiện tâm đang đi khát thực ở thành phố cao quý Paṇṇakata đáng yêu thuộc vùng cao nguyên của xứ Esika.

782. Do điều ấy, tôi có được màu da như vậy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý được sanh lên cho tôi.

783. Thưa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng tất cả các phương.” (Người nữ bố thí nụ hoa nhài)

Thiên Cung của Bốn Phụ Nữ.